



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 2900765728 ngày cấp 03/05/2013.

Địa chỉ: 54 Phan Đăng Lưu, Thành Phố Vinh, Nghệ An.

Điện thoại: 0383.590 173; Fax : 0383.842.169.

Website : www.vidabeer.vn Email : vidabeer@gmail.com.

Nghệ An, ngày 26 tháng 04 năm 2014.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh

Năm báo cáo: 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh

Tên tiếng Anh: Sài Gòn – Nghệ Tĩnh Beer joint stock company

Đăng ký kinh doanh số: 2900765728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần 2 ngày 03 tháng 5 năm 2013.

Địa chỉ: Số 54, Phan Đăng Lưu, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383.842169 Fax: 0383.833879

Website: www.vidabeer.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

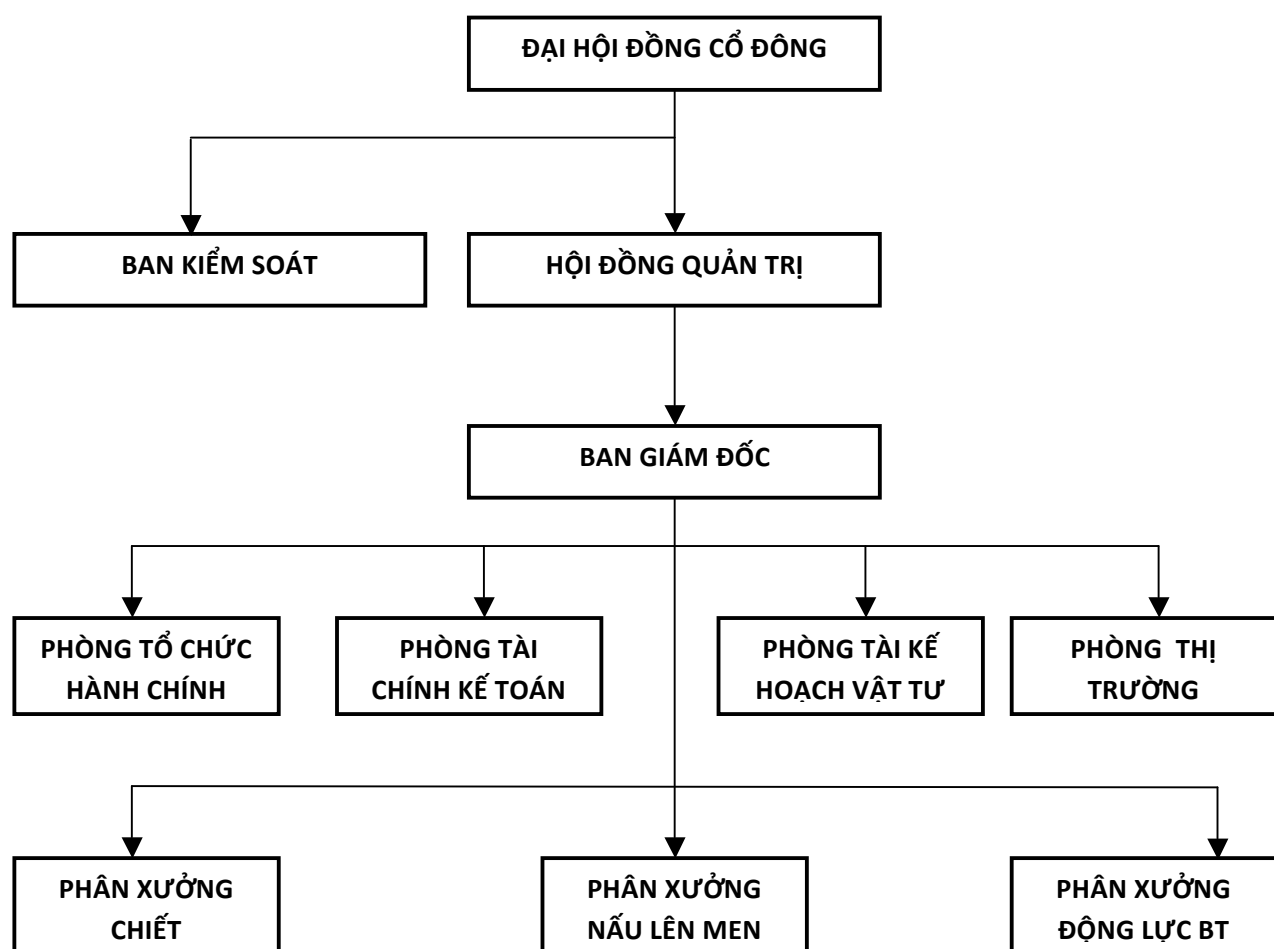
Năm tháng	Những sự kiện tiêu biểu
1984	Xí nghiệp Nước Ngọt Vinh được tách thành 2 đơn vị: Nhà máy Nước Ngọt Vinh với dây chuyền sản xuất nước ngọt với 120 CBCNV và Nhà máy Ép dầu Vinh
1986	Nhà máy Bia – Nước ngọt Vinh tiến hành lắp đặt dây chuyền sản xuất Bia Solavina.
1987	Đổi tên thành Nhà máy Bia Nghệ Tĩnh
1992	Đổi tên thành Nhà máy Bia Nghệ An
1993	Đầu tư dây chuyền sản xuất bia đồng bộ 3 triệu lít/năm của hãng Danbrew (Đan mạch)
1994	05/02/1994 ra mắt sản phẩm đầu tiên trên dây chuyền và công nghệ Đan mạch mang thương hiệu Vida
1996	Đầu tư mở rộng nâng công suất lên 6 triệu lít/năm và đổi tên thành Công ty Bia Nghệ An
3/2001	Thực hiện cổ phần hóa theo chủ trương của nhà nước chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Bia Nghệ An với vốn điều lệ 33,5 tỷ đồng
3/2006	Gia nhập Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn và đổi tên thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ An , cùng năm tăng vốn điều lệ lên 65 tỷ đồng.

09/09/2006	Hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ An và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh trở thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
------------	---

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất bia hơi, bia chai các loại, nước uống tinh khiết mang nhãn hiệu Vida và Sài Gòn.
- Địa bàn kinh doanh: hiện tại sản phẩm của Công ty chủ yếu tiêu thụ ở địa bàn Nghệ An và Hà Tĩnh mang nhãn hiệu Vida, đối với sản phẩm Bia Sài Gòn 355 Công ty gia công cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Đại hội Đồng cổ đông: Đại hội Đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội Đồng Cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty; thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các điều chỉnh sửa đổi của Điều lệ; bầu và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.v.v.. đã được quy định chi tiết trong Điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, Hội đồng quản trị được Đại hội Đồng cổ đông bầu ra có nhiệm vụ và quyền hạn chi tiết được quy định trong điều lệ của Công ty. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh có 5 người hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội Đồng cổ đông bầu ra, có 03 người với nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện đúng định hướng do Đại hội Đồng cổ đông đề ra và các quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định chi tiết trong Điều lệ Công ty.

Giám đốc Công ty: Giám đốc Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đại diện pháp luật của Công ty, có trách nhiệm điều hành Công ty trong khuôn khổ của pháp luật nhằm mục tiêu thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh do Đại hội Đồng cổ đông cũng như các nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Công ty được quy định chi tiết trong Điều lệ.

Phòng Tổ chức Hành chính: chịu trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc công ty xây dựng và tổ chức thực hiện các mảng công việc sau:

Về văn thư tạp vụ hành chính: Quản lý con dấu, công văn đến/đi, lưu trữ công văn. Đánh máy các tài liệu chung của Công ty. Mua sắm cấp phát văn phòng phẩm theo quy định. Tổ chức công tác phục vụ hội họp, hội nghị, tiếp khách Công ty

Về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, an toàn lao động: Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy công ty, quy hoạch cán bộ. Xây dựng quy chế tuyển dụng và đào tạo nhân lực. Xây dựng và hoàn thiện quy chế trả lương, định mức lao động và đơn giá tiền lương. Thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động. Chịu trách nhiệm về công việc bảo vệ, vệ sinh công nghiệp, nhà ăn cho công nhân. Xây dựng kế hoạch cấp phát bảo hộ lao động

Về công tác bảo vệ, PCCC: Tổ chức canh gác, giám sát người, vật tư hàng hóa ra vào cổng theo đúng quy định, giám sát việc tuân thủ nội quy, kỷ luật lao động. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và chính sách hậu phương quân đội. Lập kế hoạch PCCC, phòng chống bão lụt, phương tiện trang bị PCCC và bão lụt.

Về công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động: Tổ chức nhà ăn, mua sắm cấp phát thuốc dự phòng theo đúng quy định. Tổ chức vệ sinh công nghiệp, chăm sóc vườn hoa cây cảnh, vệ sinh các nhà vệ sinh. Quản lý các tài sản trang thiết bị văn phòng.

Phòng Tài chính Kế toán Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về lĩnh vực Tài chính kế toán, chi tiết như sau:

Công tác tài chính: Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính. Chủ trì các bộ phận liên quan lập phương án giá bán, giá thành sản phẩm, vật tư, phế liệu. Tham gia Hội đồng giá Công ty, tham gia thương thảo các hợp đồng kinh tế, theo dõi công nợ, quyết toán các khoản thu chi và thu hồi công nợ. Thường xuyên theo dõi và định kỳ phân tích tình hình thực hiện giá thành kế hoạch. Tổ chức thanh toán kịp thời các khoản thu chi của Công ty đúng theo quy định của Nhà nước và quy chế quản lý của Công ty.

Công tác thống kê kế toán: Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh kịp thời, chính xác đúng chế độ của Nhà nước đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tổ chức thực hiện chế độ hạch toán sản xuất, xây dựng cơ bản, thu chi, thanh toán với ngân sách và các khoản công nợ. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê kế toán của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và thực tiễn quản lý yêu cầu.

Phòng Kỹ thuật Đầu tư Chịu trách nhiệm về các mảng kỹ thuật, công nghệ, đầu tư chi tiết như sau:

Quản lý thiết bị: Xây dựng kế hoạch, lịch xịch sửa chữa, bảo trì thiết bị trình Giám đốc Công ty phê duyệt. Lập dự trù mua sắm vật tư, phụ tùng thay thế. Lập phương án sửa chữa

thiết bị (đối với các trường hợp chưa phân cấp cho Phân xưởng Động lực- Bảo trì). Giám sát toàn bộ quá trình vận hành thiết bị để đánh giá mức độ tuân thủ các quy định đã được bán hành. Duy trì và đảm bảo việc kiểm định các thiết bị kiểm tra, đo lường, thử nghiệm và các thiết bị áp lực.

Quản lý kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm: Xây dựng trình Giám đốc ban hành quy trình công nghệ (quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra) cho mọi loại sản phẩm hàng hóa của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ QA trong hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm. Giám sát việc tuân thủ các quy trình công nghệ. Đảm bảo tính hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng ISO. Chịu trách nhiệm về quản lý môi trường của Công ty.

Công tác đầu tư, XDCB: lập kế hoạch đầu tư, XDCB hàng năm, lập dự án, lập hồ sơ thầu, chấm thầu, giám sát thi công.

Phòng Kế hoạch Vật tư Chịu trách nhiệm về các mảng công việc sau:

Công tác lập kế hoạch: trên cơ sở các kế hoạch phân hành, Phòng Kế hoạch Vật tư chịu trách nhiệm lập kế hoạch tổng thể của Công ty, kế hoạch cung ứng nguyên nhiên vật liệu lập kế hoạch tổng thể của Công ty.

Công tác mua hàng hóa: chịu trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng giá, Giám đốc Công trong việc lựa chọn nhà cung ứng cung cấp các nguyên nhiên vật liệu, thiết bị máy móc, phụ tùng cho Công ty. Chịu trách nhiệm quản lý hợp đồng mua bán ở các lĩnh vực trên.

Công tác quản lý kho tàng: Chịu trách nhiệm quản lý kho thành phẩm bia Sài gòn, bia chai, bia lon Vida, kho phụ tùng, kho nguyên nhiên vật liệu.

Công tác bốc xếp, nâng hàng: Chịu trách nhiệm quản lý đội xe nâng hàng, quản lý hợp đồng đối với đối tác cung ứng lao động bốc xếp.

Phòng Thị trường chịu trách nhiệm về các mảng công việc sau:

Về công tác tiêu thụ hàng hóa: chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tiêu thụ, chi phí bán hàng hàng năm. Tổ chức thực thi kế hoạch tiêu thụ bán hàng đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Lập và quản lý các hợp đồng kinh tế liên quan đến lĩnh vực marketing, bán hàng (hợp đồng đại lý, hợp đồng cước công cụ bán hàng, hợp đồng quảng cáo, tài trợ.v.v.). Xây dựng kênh phân phối các sản phẩm mang nhãn hiệu Vida. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mãi, tài trợ.

Về vận tải hàng hóa: Chịu trách nhiệm quản lý đội xe của Công ty.

Về công tác đóng bốc, xuất kho, viết phiếu: chịu trách nhiệm quản lý kho thành phẩm bia hơi, bia tươi Vida và bộ phận viết phiếu bán hàng.

Phân xưởng Nấu lên men chịu trách nhiệm về các mảng công việc sau: Trên cơ sở kế hoạch sản xuất năm, tháng, quý do Giám đốc Công ty ban hành, Phân xưởng – Nấu lên men có trách nhiệm thực hiện các công đoạn: nấu, lên men, lọc bia đủ sản lượng và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật đề ra. Quản lý và vận hành hệ thống thiết bị đã được Giám đốc Công ty giao. Lập các báo cáo định kỳ/ đột xuất theo yêu cầu quản lý công ty. Tuân thủ các quy trình sản xuất, công nghệ, vận hành, bảo dưỡng thiết bị do Giám đốc Công ty ban hành. Quản lý tiêu hao nguyên nhiên vật liệu đảm bảo đúng định mức kinh tế kỹ thuật.

Phân xưởng Động lực Bảo trì chịu trách nhiệm về các mảng công việc sau:

Quản lý toàn bộ thiết bị về động lực bao gồm điện, hệ thống thu hồi CO2, hệ thống nén khí, hệ thống lạnh, hệ thống nồi hơi, hệ thống cung cấp nước nhằm đảm bảo cung ứng đủ điện, nước, CO2, hơi.v.v. đảm bảo cho quá trình sản xuất theo kế hoạch.

Quản lý và vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Lập kế hoạch (phần được giao) và tổ chức thực hiện việc bảo trì bảo dưỡng cho máy móc thiết bị của toàn Công ty. Thực hiện gia công, lắp đặt các thiết bị được giao

Phân xưởng Chiết chịu trách nhiệm

Tổ chức thực hiện công đoạn chiết bia chai các loại theo kế hoạch được phê duyệt.

Quản lý hệ thống thiết bị máy móc thiết bị thuộc phạm vi phân xưởng được giao.

Quản lý việc tiêu dùng các nguồn lực (lao động, nguyên nhiên vật liệu.v.v..) đúng mục đích và định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt, không ngừng cải tiến để tiết kiệm.

5. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Sản xuất các sản phẩm Bia Sài Gòn đạt chất lượng cao, góp phần vào chiến lược của Công ty của Công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn trở thành nhà sản xuất đồ uống hàng đầu khu vực và trên thế giới.
- + Sản xuất các sản phẩm bia địa phương có chất lượng tốt, có giá trị gia tăng cao để có thể cạnh tranh hiệu quả với các nhãn hiệu bia trong nước và quốc tế tại khu vực bắc Trung bộ từ đó tạo ra lợi ích cho cổ đông, ổn định đời sống cho người lao động, đóng góp ngân sách cho nhà nước và có điều kiện để hỗ trợ các hoạt động xã hội cộng đồng.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Tuân thủ định hướng phát triển trung và dài hạn của công ty mẹ là Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn.
- + Nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở củng cố nguồn lực về thiết bị máy móc, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực về kỹ thuật, công nghệ.
- + Tiếp tục phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như bia hơi, bia tươi mang nhãn hiệu Vida, do đặc tính của các loại sản phẩm này phù hợp với khẩu vị cũng như đặc điểm khí hậu của vùng Bắc Trung bộ.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Đảm bảo sản xuất thân thiện với môi trường, nâng cao tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm trên cơ sở tuân thủ các Hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 22000:2005, ISO 14001:2004 mà công ty đã được cấp giấy chứng nhận. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng.

6. Các rủi ro

✚ Rủi ro về kinh tế: Vì không phải là mặt hàng tiêu dùng thiết yếu nên bia rượu thuộc danh mục khách hàng cắt giảm đầu tiên khi gặp khó khăn hoặc khủng hoảng kinh tế. Sản lượng bia Sài Gòn 355 gia công cho công ty mẹ chiếm phần quan trọng trong sản lượng của Công ty, các điều kiện và khó khăn về vận chuyển sẽ dẫn đến nguy giảm sút phần sản phẩm gia công này.

✚ Rủi ro về môi trường cạnh tranh: Ngành bia là một trong những ngành cạnh tranh khốc liệt nhất hiện nay. Các nhãn hiệu bia hàng đầu trên thế giới đã có mặt tại Việt nam, nguy cơ về dư thừa công suất sản xuất trong thời gian tới là có thực.

✚ Rủi ro về mặt tâm lý xã hội, môi trường pháp lý: bia rượu là những thức uống không được khuyến khích. Các biện pháp để hạn chế quảng cáo và tiêu dùng bia rượu ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty.

✚ Rủi ro mang tính đặc thù của Công ty:

- Về mặt môi trường, Công ty đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ 54 Phan Đăng Lưu, TP.Vinh là vùng trung tâm của TP.Vinh, mật độ dân cư cao. Các ấn tượng

không tốt về ảnh hưởng môi trường trước đây vẫn còn dư âm trong dân chúng, mặc dù hiện tại Công ty cơ bản đã giải quyết dứt điểm vấn đề này. Rủi ro phải đi đôi với chi phí lớn, sản xuất công ty sẽ bị gián đoạn và mất khách hàng.

- Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành bia và nước giải khát hoạt động ở miền Bắc và miền Trung đều gặp khó khăn là tính thời vụ cao, do mùa mưa rét khách hàng rất ít dùng sản phẩm bia, nước giải khát. Việc này dẫn đến việc thiếu, thừa sản phẩm mang tính cục bộ theo các mùa trong năm, khó khăn trong việc điều hành sản xuất cũng như đảm bảo việc làm đều cho người lao động trong thời gian cả năm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	So sánh	
						Kế hoạch	Cùng kỳ
A	B		D	E	F	G=F/E	H=F/D
1	Sản lượng sản xuất	lít	34,472,343	36,300,000	38,015,471	105%	110%
	- Bia chai 355ml	lít	22,139,809	22,000,000	24,883,251	113%	112%
	- Bia hơi, bia chai Vida	lít	12,332,534	14,300,000	13,132,220	92%	106%
2	Sản lượng tiêu thụ	lít	34,478,082	36,300,000	37,907,207	104%	110%
	- Bia chai 355ml	lít	22,137,807	22,000,000	24,824,142	113%	112%
	- Bia hơi, bia chai Vida	lít	12,340,275	14,300,000	13,083,064	91%	106%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	355	354	372	105%	105%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28.5	24.8	32.5	131%	114%
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	166.2		154		93%

2. Tổ chức và nhân sự:

a) Danh sách ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đặng Duy Đông	Giám đốc (đã nghỉ hưu)	Đến ngày 30/04/2013
2	Ông Hoàng Lâm Hòa	Giám đốc	Từ ngày 01/05/2013
3	Ông Ngô Quang Danh	Kế toán trưởng	

b) Lý lịch cá nhân của cán bộ trong ban điều hành

1. Ông Hoàng Lâm Hòa – TV.HĐQT – Giám đốc Điều hành Công ty

Ngày sinh: 26/12/1968 Quốc tịch: Việt nam Giới tính : Nam

Số CMND: 022640649 Nơi cấp: CA. TP.HCM Ngày cấp: 21/11/1992

Quê quán: Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 1286 đường 3/2, P2, Q11, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí/Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	
Quá trình công tác	1991-2006	Công tác tại TCT CP Bia Rượu NGK Sài Gòn.
	2006-2008	Công tác tại Ban quản lý dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi
	2008-2013	Công tác tại Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam
	2013 – đến nay	Công tác tại Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh
Số cổ phần nắm giữ	Cá nhân:	400 cổ phần
	Đại diện cho tổ chức	Đại diện cho TCT Bia Rượu NGK Sài Gòn với tư cách TV.HĐQT

2. Ông Ngô Quang Danh – TV.HĐQT – Kế toán trưởng Công ty

Ngày sinh:	18/05/1969	Quốc tịch: Việt Nam	Dân tộc: Kinh
Số CMND:	022254891	Ngày cấp: 13/05/2011	Nơi cấp: CA. TP HCM
Quê quán:	Thành phố Hồ Chí Minh	Dân tộc: Kinh	
Địa chỉ thường trú:	110/6 Nơ Trang Long, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP.HCM		
Điện thoại:	0902528969		
Trình độ văn hóa:	12/12		
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế		
Quá trình công tác	10/2011	Công tác tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh, chức vụ kế toán trưởng	
	Số cổ phần nắm giữ	Cá nhân	400 Cổ phần
		Tổ chức	Đại diện cho TCT Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn với tư cách TV.HĐQT

Những thay đổi trong ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đặng Duy Đông	Giám đốc	Đến ngày 30/04/2013
2	Ông Hoàng Lâm Hòa	Giám đốc	Từ ngày 01/05/2013

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2013, Công ty không thực hiện dự án đầu tư nào lớn, chủ yếu chỉ tập trung vào sửa chữa và thay thế:

- Dự án di dời Tăng lên men từ Nhà máy Bia Sài Gòn Hà Tĩnh về Nghệ An đã lắp đặt xong 10 tầng loại 36m³, bàn giao sử dụng 3 tầng, 8 tầng khác đang thiếu vật tư, chưa làm dàn tháo tác, và lắp PT100. Dự kiến 15 tháng 01 năm 2014 hoàn thành.
- Dự án sản xuất nước tinh khiết đã nhận thiết bị ngày 22 tháng 5 năm 2013, hiện đang làm thủ tục phân tích chất lượng và công bố hợp qui sản phẩm,
- Dự án đầu tư hệ thống thu hồi CO₂ công suất 300kg/h đã lắp đặt xong hệ thống. Đã hoàn thành.
- Dự án máy nén CO₂ cho Hệ thống thu hồi CO₂ và máy nén khí Atlas Copco đang làm hoàn thiện hồ sơ để xin chủ trương của Hội đồng Quản trị.
- Dự án xây 01 bể lắng tại hệ thống xử lý nước thải dung tích 300 m³, dự kiến sẽ hoàn thành trong quý 1/2014.
- Mua 02 máy rửa keg và 01 máy đo CO₂ đã hoàn thành.
- Chủ trương đầu tư phòng thí nghiệm theo yêu cầu của Sabeco: đang tiến hành thủ tục đầu tư, dự kiến sẽ hoàn thành trong quý 1/2014.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
- Tổng giá trị tài sản	187.763.437.673	215.555.784.058	+15%
- Doanh thu thuần	222.139.139.401	221.793.222.033	- 0,2%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.142.953.277	26.526.519.044	+10%
- Lợi nhuận khác	5.961.416.383	4.353.780.506	-27%
- Lợi nhuận trước thuế	28.496.733.783	32.487.935.427	+14%
- Lợi nhuận sau thuế	21.058.495.396	24.062.352.197	+14%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ nợ ngắn hạn	2,82	3,14	+11%
+ Hệ số thanh toán nhanh: =(TSLĐ-hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	2,11	2,4	+ 14%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	24	24	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	31,7	31,4	+ 1%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng hóa/Hàng tồn kho bình quân	6,07	5,83	-4%
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	118%	103%	-13%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	9%	10,2	+13%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	15%	15,7	+4.6%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	11%	11,9	+8%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	10,8%	11,96%	10.07%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 10.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Số cổ phần đang lưu hành: 10.500.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: theo danh sách chốt ngày 31/12/2013

- **Cổ đông tổ chức/cổ đông cá nhân:**

STT	Cổ đông	ĐKKD	Số cổ phần	% VDL
I	Cổ đông tổ chức			
1	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	ĐKKD số:4103010027	5.355.000	51%
2	Công ty TNHH 1TV Thương Mại Bia Sài Gòn	ĐKKDsố:4104000153	392.000	3,7%
II	Cổ đông cá nhân		4.753.000	45.3%
	Gồm 1305 cổ đông			

- **Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	ĐKKD	Số cổ phần	%VDL
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP. HCM	ĐKKD số:4103010027	5.355.000	51%

- **Cổ đông sáng lập**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	ĐKKD/CMND	Số cổ phần	%VDL
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK	187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5,	ĐKKD	5.355.000	51%

	Sài gòn	TP. HCM	số:4103010027		
2	Ông Nguyễn Ngọc Xuân	140/36 Phan Văn Trị, P12, Q Bình Thạnh, TP.HCM	020827856	112.834	1,07%
3	Bà Lê Kim Tuyết	161 Phan Văn Trị, P12, Q Bình Thạnh, TP.HCM	022171903	67.534	0,64%
4	Ông Nguyễn Xuân Hải	43 Tiền Giang, P2, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	023980524	67.534	0,64%
5	Bà Hoàng Thị Mỹ Quyên	109/12 Nguyễn Thượng Hiền, P.5, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	L 3487551	57.533	0,54%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: không**

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ: không**

e) **Các chứng khoán khác: không**

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

a) **Đánh giá tình hình thực hiện năm 2013**

Trong năm 2013, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh đã điều hành Công ty thực hiện đúng các định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và chủ trương, đường lối của Hội đồng quản trị Công ty đặt ra, trong các điều kiện đặc thù sau:

Về mặt vĩ mô:

- Nền kinh tế vẫn nằm trong tình trạng suy thoái, người dân thắt chặt các chi tiêu không thiết yếu dẫn tới dẫn tới sự khó khăn chung cho các doanh nghiệp.
- Giá cả các nguyên nhiên liệu đầu vào tăng cao.
- Các chính sách về hạn chế tiêu dùng bia rượu và các thức uống có cồn cũng ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ của Công ty.
- Các chính sách về giải phóng mặt bằng, lòng lề đường cũng ảnh hưởng lớn đến tiêu thụ bia địa phương vì sản phẩm của công ty chủ yếu phục vụ các tầng lớp bình dân, các quán chủ yếu tận dụng các không gian nhỏ trước nhà hoặc vỉa hè để bán hàng.

Về mặt vi mô

Thuận lợi:

- Là Công ty con của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn vì vậy Công ty được sự hỗ trợ của Tổng Công ty về kỹ thuật, công nghệ thông qua các chương trình kiểm tra đánh giá, các chương trình đào tạo, tập huấn.
- Bên cạnh đó khoảng 2/3 sản lượng của Công ty là sản phẩm sản xuất cho Công ty mẹ, vì vậy đầu ra này tương đối ổn định. Thương hiệu bia địa phương mặc dù chỉ tiêu thụ được khoảng 1/3 sản lượng của Công ty nhưng cũng đã tạo được hình ảnh giới tiêu dùng bình dân.

Khó khăn:

- Khó khăn lớn nhất hiện tại là Công ty nằm ở khu vực đông dân cư gần trung tâm thành phố, tuy đã đầu tư nhiều và đạt được tiến bộ trong các vấn đề xử lý nước thải và môi trường nhưng dù sao vẫn đôi lúc không tránh khỏi được sự không hài lòng của dân cư.
- Tình hình suy thoái kinh tế và chi phí đầu vào từ nguyên nhiên vật liệu có xu hướng tăng cao gây áp lực lớn cho lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó dây chuyền sản xuất của Công ty chỉ có tầm tự động hóa ở mức trung bình, sử dụng nhiều lao động (mặc dù đã tinh giảm gần 50% lao động kể từ khi gia nhập Tổng Công ty, hiện nay số lao động vẫn còn xấp xỉ 240 người – cho công suất sản xuất thực tế chưa đến 40 triệu lít năm). Đây là một gánh nặng về tiền lương cũng như an sinh xã hội.
- Sản phẩm bia địa phương mang tính thời vụ cao, do thời tiết miền Bắc chia 2 mùa rõ rệt, vào mùa mưa rét sản lượng bia tiêu thụ rất thấp.
- Ngành bia là một trong ngành có sự cạnh tranh quyết liệt nhất, ở bình diện quốc gia cũng như địa phương. Hiện tại, các nhãn hiệu hàng đầu của thế giới đã tham gia vào thị trường Việt nam. Ở bình diện địa phương, Công ty phải cạnh tranh quyết liệt với bia chai và bia hơi của các hãng bia khác, đặc biệt là bia Huda và bia Hà nội.
- Bên cạnh đó do ở xa vùng tiêu thụ chính của Tổng Công ty, việc vận chuyển sản phẩm và luân chuyển vỏ két rất khó khăn. Có lúc số vỏ két của Công ty tồn đọng ở các kho trung chuyển và trên đường khoảng 350.000 két, dẫn đến việc thiếu chai két cho sản xuất. Ở thời điểm khó khăn nhất Công ty đã phải mượn tạm gần 150.000 bộ vỏ két của Bia Sài Gòn – Sông lam, chi tiết như sau:

Số liệu công nợ chai két với C.ty Thương mại năm 2013				Số liệu thuê mượn chai két năm 2013		
Thời điểm	Lượng két	Lượng chai	Ghi chú	Thời điểm	Đơn vị công ty thuê, mượn	Số lượng két vỏ
02/07/2013	264,904	4,922,168	Lượng Công ty TNHH 1 TV Thương mại Bia Sài Gòn nợ bao gồm hàng đi trên đường và tồn đọng ở các kho và Thương mại khu vực, két vỏ đang luân chuyển về.	Tháng 5/2013	Bắc Trung Bộ	4,000
18/07/2013	281,302	5,519,368		Tháng 6/2013	Bia Sài Gòn S/Lam	7,608
22/07/2013	248,482	4,862,948		20/8/2013	Bia Sài Gòn S/Lam	92.039
19/08/2013	303.548	5.964.303		20/9/2013	Bia Sài Gòn S/Lam	99.647
07/09/2013	423.148	7.456.303		20/10/2013	Bia Sài Gòn S/Lam	99.647
21/10/2013	441.558	8.726.078		20/11/2013	Bia Sài Gòn S/Lam	140.155
20/11/2013	460.648	9.113.252		20/12/2013	Bia Sài Gòn S/Lam	168.268
30/11/2013	409.088	7.858.368		Hiện nay	Bia Sài Gòn S/Lam	36.000

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	So sánh	
						Kế hoạch	Cùng kỳ
A	B		D	E	F	G=F/E	H=F/D
1	Sản lượng sản xuất	lít	34,472,343	36,300,000	38,015,471	105%	110%
	- Bia chai 355ml	lít	22,139,809	22,000,000	24,883,251	113%	112%
	- Bia hơi, bia chai Vida	lít	12,332,534	14,300,000	13,132,220	92%	106%
2	Sản lượng tiêu thụ	lít	34,478,082	36,300,000	37,907,207	104%	110%
	- Bia chai 355ml	lít	22,137,807	22,000,000	24,824,142	113%	112%
	- Bia hơi, bia chai Vida	lít	12,340,275	14,300,000	13,083,064	91%	106%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	355	354	372	105%	105%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28.5	24.8	32.5	131%	114%
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	166.2		154		93%

2. Đánh giá, phân tích nguyên nhân, kết quả đạt được:

Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam và Thế giới trong năm 2013, nhưng được sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị Công ty và sự quan tâm giúp

đỡ từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn nên năm 2013, Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu SXKD do Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 04 năm 2013 đề ra, kết quả trên là do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Có sự hỗ trợ giúp đỡ của công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn. Đặc biệt là trong quý IV, tổng Công ty đã tăng lượng giao nhận hàng giúp Công ty hoàn thành kế hoạch năm.
- Công ty đã linh hoạt trong việc luân chuyển kết vỏ Bia Sài Gòn, trong đó đã kịp thời thuê từ Bia Sài Gòn – Sông Lam số chai kết gần 150.000 vỏ kết để phục vụ sản xuất trong quý IV.
- Công ty đã tận dụng tốt máy móc thiết bị, đặc biệt là mùa giao hàng thấp điềm của Bia Sài Gòn để sản xuất và tiêu thụ bia địa phương.
- Việc tăng cường trong quản lý sản xuất và quy trình công nghệ đã giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, đã được khách hàng sử dụng bia Vida ghi nhận.
- Công ty đã bước đầu quản lý có hiệu quả các chỉ tiêu, định mức kỹ thuật làm nền tảng cho việc quản lý tiêu hao nguyên nhiên vật liệu nhằm tiết kiệm trong sản xuất và giảm giá thành sản phẩm.

3. Tình hình tài chính và nợ vay:

Về tình hình tài chính, các cổ đông có thể tham khảo chi tiết Báo cáo tài chính năm 2013 trên trang web của Công ty ở địa chỉ www.vidabeer.vn, tuy nhiên có thể khái quát cơ bản như sau:

- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, các khoản đầu tư đều sử dụng vốn tự có, không sử dụng vốn vay.
- Tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng hàng tháng ở mức từ 60 tỷ đến 70 tỷ.
- Các khoản nợ của khách hàng, chủ yếu là xuất phát từ Công ty 1TV TNHH Thương mại Bia Sài Gòn, không có tính rủi ro. Các sản phẩm bia địa phương được bán thu tiền ngay không cho nợ.
- Các khoản đặt cọc để mượn trang thiết bị bán hàng của bia địa phương đều được bảo lãnh tại các Ngân hàng.

b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

1. Nhận định tình hình sản xuất kinh doanh 2014:

Theo nhận định năm 2014 kinh tế sẽ vẫn còn khó khăn cho cả SX trong nước và xuất khẩu. Giá cả đầu vào sẽ còn biến động sau khi điều chỉnh giá điện, xăng dầu và các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát cán cân thanh toán thương mại và thắt chặt tiền tệ. Bên cạnh đó 4 yếu tố làm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận và gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Phí thương hiệu phải đóng cho Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn khoảng 4 tỷ đồng.
- Do quy định của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn yêu cầu chai kết Bia Sài Gòn 355 phải khấu hao hết trong 2 năm, do vậy tiền khấu hao của lượng chai kết này trong năm nay là 34 tỷ.

- Các quy định mới về tải trọng vận chuyển hàng hóa của Bộ giao thông vận tải đã làm cho hầu hết hàng hóa đầu vào của Công ty tăng lên. Bên cạnh đó, chi phí cho tiêu thụ bia hơi, bia chai Vida cũng sẽ tăng cao.
- Thuận lợi lớn nhất của Công ty là được sự hỗ trợ của công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn về nhiều mặt, trong đó quan trọng nhất là sản phẩm của Tổng Công ty chiếm đến gần 2/3 sản lượng của Công ty.

Trên cơ sở Kế hoạch sản lượng năm 2014 do Tổng công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn giao và tình hình tiêu thụ sản phẩm bia địa phương, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	So sánh
1	Sản lượng sản xuất	lít	38,015,471	38,200,000	100%
	- Bia chai 355ml	lít	24,883,251	25,000,000	100%
	- Bia hơi, bia chai Vida	lít	13,132,220	13,200,000	101%
2	Sản lượng tiêu thụ	lít	37,907,207	38,200,000	101%
	- Bia chai 355ml	lít	24,824,142	25,000,000	101%
	- Bia hơi, bia chai Vida	lít	13,083,064	13,200,000	101%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	372.00	380.00	102%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32.50	25.50	78%
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	154.00	167.00	108%
6	Tổng lao động bình quân	Người	355.00	231.00	65%
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	22.78	19.23	84%
8	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	6,027,715	7,607,504	126%
9	Tỷ lệ cổ tức /VĐL		15%	15%	100%

2. Công tác đầu tư năm 2014:

Công tác đầu tư năm 2014 và một số hạng mục dở dang từ năm 2013 chủ yếu tập trung vào nhu cầu cấp thiết như xử lý môi trường (hệ thống xử lý nước thải, xử lý khói bụi), tự động hóa nhà nấu, mua máy nén CO2, máy nén khí, một số trang thiết bị phục vụ cho tiêu thụ bia địa phương, các thiết bị thí nghiệm, kiểm soát chất lượng để nâng cao chất lượng sản phẩm, cụ thể như sau:

- Hệ thống kiểm soát online hệ xử lý nước thải (theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường), đầu tư 1,2 tỷ đồng dự kiến sẽ hoàn thiện trong tháng 6/2014.
- 01 bể đối chứng cho Hệ thống xử lý nước thải giá trị đầu tư 300 triệu đồng. 01 bể hiếu khí 680 m³ giá trị đầu tư khoảng 2,4 tỷ đồng.
- Đầu tư tự động hóa nhà nấu khoảng 2,6 tỷ (chưa VAT).
- Đầu tư phương tiện đáp ứng nhu cầu vận tải; đầu tư hệ thống rửa, dập nút....

3. Các giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014.

Về sản xuất:

- Đảm bảo đầy đủ các nguồn lực phục vụ sản xuất đáp ứng tiến độ sản xuất, cố gắng sản xuất tối đa công suất của nhà máy để hoàn thành kế hoạch.
- Bảo trì bảo dưỡng tốt, đúng chế độ nhằm đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động thông suốt.

- Điều hành sản xuất linh hoạt để đáp ứng nhu cầu thị trường vào mùa cao điểm sản phẩm của Tổng Công ty cũng như sản phẩm mang nhãn hiệu Vida.
- Tăng cường quản lý công nghệ sản xuất thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO để nâng cao chất lượng sản phẩm bia Sài Gòn và bia địa phương.
- Đầu tư và đưa vào hoạt động các hạng mục liên quan đến hệ thống xử lý nước thải và lọc bụi để giải quyết triệt để vấn đề môi trường tạo cơ sở cho hoạt động bền vững lâu dài cho Công ty.

Về tiêu thụ:

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH 1TV thương mại Sabeco và đơn vị giao nhận và vận chuyển Bia Sài Gòn để công tác lấy hàng được thuận lợi tối đa và giảm chi phí tồn kho ở mức thấp nhất.
- Tiếp tục cải thiện chất lượng sản phẩm. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu thụ bán hàng của Công ty theo hướng chuyên nghiệp phù hợp với tình hình tiêu thụ thực tế.
- Thành lập thêm các kho, chi nhánh để bám sát thị trường, phản ứng nhanh, kịp thời. Có chiến lược phát triển sản phẩm rõ ràng và kênh bán hàng phù hợp.

Về quản lý:

- Tăng cường công tác quản lý trong mọi khâu để tiết giảm chi phí từ khâu mua nguyên vật liệu, định mức tiêu hao trong sản xuất, tiết kiệm tối đa chi phí hội họp, tiếp khách, đi lại.
- Tăng cường Quản lý tập trung mọi hoạt động, phát huy vai trò và chức năng quản lý của các phòng ban, phân xưởng trong Công ty để sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực Tài chính, con người và tài sản hiện có của toàn Công ty.
- Tăng cường công tác Chất lượng, cố gắng duy trì Hệ thống chất lượng và kiểm soát như hiện có để không để xảy ra sự cố về chất lượng, làm ảnh hưởng tới thương hiệu của Công ty cũng như thương hiệu Bia Sài Gòn.


IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013.

Các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tỷ lệ %
1. Tổng doanh thu	355,998,040,567	372,998,040,567	104.8%
- Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	222,139,139,401	221,793,222,033	99.8%
- Doanh thu hoạt động tài chính	6,834,202,291	3,810,549,692	55.8%
2. Tổng chi phí	219,154,368,222	216,030,360,833	98.6%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	28,496,733,783	32,487,935,427	114.0%
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	21,058,495,396	24,062,352,197	114.3%
5. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	166,191,911,000	154,000,000,000	92.7%
6. Tỷ suất LN sau thuế /vốn điều lệ	20.0%	22.9%	114,5%
7. Tổng quỹ lương	24,300,000,000	22,777,697,000	93.7%
8. Số lao động bình quân	355	231	65.1%
9. Tiền lương bình quân/người/tháng	5,700,000	6,027,715	105.7%

Đánh giá :

-  Sản lượng thực hiện 37,9 triệu so với kế hoạch 36 triệu lít, đạt 105% so với kế hoạch 2013.

- ✚ Doanh thu đạt 373 tỷ so với kế hoạch 354 tỷ đồng, bằng 105% so với kế hoạch 2013.
- ✚ Lợi nhuận sau thuế đạt 114% so với kế hoạch, tương ứng 24 tỷ 62 triệu đồng so với kế hoạch 21 tỷ 58 triệu đồng.
- ✚ Tỷ suất LN sau thuế /vốn điều lệ là 22,9% tương ứng với lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.292 đ/cổ phiếu, Trong năm đã thực hiện tạm ứng cổ tức 10% kế hoạch 15%.
Trong năm 2013, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên họp ngày 27 tháng 04 năm 2013, Hội đồng quản trị đã có các nghị quyết về các chủ trương lớn như sau:
 - Thực hiện bàn giao chức danh Giám đốc điều hành công ty, tổ chức sắp xếp lại tổ chức một số bộ phận để tăng năng suất lao động, tinh giảm biên chế.
 - Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát các công việc liên quan đến bàn giao ban điều hành. Việc chuyển giao trên hoàn thành đúng tiến độ, không làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh cũng như tâm lý của người lao động. Công ty đã ổn định tổ chức sau một thời gian ngắn, sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao.
 - Trong năm Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết triển khai các hạng mục đầu tư nhằm hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải để giải quyết dứt điểm vấn đề môi trường; thực hiện chuyển đổi sản xuất một số sản phẩm có giá trị cao, phù hợp với nhu cầu thị trường.
 - Thực hiện một số biện pháp để ổn định và cải thiện chất lượng sản phẩm Bia chai, Bia hơi, đầu tư dây chuyền nước tinh lọc, đầu tư phương tiện vận chuyển.
 - Các công tác khác: Ban hành chủ trương, định hướng về tiếp tục củng cố bộ máy nhân sự, đặc biệt là ưu tiên việc tuyển dụng nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực: Công nghệ, Kỹ thuật, Cơ khí, Bán hàng; Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm; Đảm bảo công tác bảo hộ lao động; Cải thiện môi trường, điều kiện làm việc của người lao động, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.

- Năm 2013, có sự thay đổi nhân sự quan trọng trong Ban điều hành Công ty: Ông Đặng Duy Đông giám đốc Công ty đến tuổi nghỉ hưu, Đại hội Đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Giám đốc mới là Ông Hoàng Lâm Hòa từ ngày 01/05/2013.
- Việc chuyển giao được tiến hành nhanh chóng, Ông Hoàng Lâm Hòa là một cán bộ quản lý đã có kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất bia (hiện là đang là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam với công suất 100 triệu lít/năm). Do vậy, trong thời gian tuy ngắn, từ ngày 01/5/2013, Giám đốc mới của Công ty đã tiếp cận nhanh công việc và có nhiều đổi mới và quản lý cũng như công nghệ, tạo ra những sản phẩm mới có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao. Hai sản phẩm bia tươi keg 2 lít và bia lager 330 bước đầu được khách hàng ghi nhận về chất lượng và hương vị.

3. Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo và định hướng cho ban điều hành nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Đại Hội đồng cổ đông năm 2014 thông qua. Trên cơ sở nắm bắt tình hình kinh doanh để có thể đưa ra các quyết sách nhanh chóng nhằm hỗ trợ cho Ban Điều hành.
- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định, phân cấp trong quản trị - điều hành để tăng cường công tác quản trị kiểm tra, giám sát Công ty.

Chỉ đạo ban điều hành tập trung vào các nhân tố quan trọng sau:

- Tăng cường công tác quản trị sản xuất, kiểm soát chất lượng để đảm bảo sản xuất hàng hóa đảm bảo chất lượng, đúng số lượng và cung cấp kịp thời sản phẩm Bia Sài Gòn cho Tổng Công ty.
- Tập trung giải quyết dứt điểm vấn đề môi trường làm cơ sở cho việc phát triển bền vững và lâu dài cho Công ty.
- Xem xét và thẩm định việc đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm. Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp để mở rộng sản xuất sản phẩm dựa trên các dây chuyền sản xuất hiện có và nhu cầu thị trường.
- Thông qua việc phối kết hợp với công ty Thương Mại Bia Sài Gòn khu vực nghiên cứu các giải pháp để đẩy mạnh công tác tiêu thụ tại chỗ sản phẩm Bia Sài Gòn 355 do công ty sản xuất.
- Nhằm ổn định hoạt động công ty, tạo giá trị cho cổ đông, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Tiếp tục tận dụng và khai thác công suất sản xuất sẵn có để đẩy mạnh công tác tiêu thụ nhãn hiệu bia Vida của Công ty trên cơ sở nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng hình ảnh tốt về thương hiệu, thực hiện các chiến lược cạnh tranh lành mạnh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Danh sách các thành viên hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ trên VDL
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.000	0.01%
2	Ông Đặng Duy Đông	TV.HĐQT (đã nghỉ hưu từ ngày 01.5.2013)	34.290	0,32%
3	Ông Hoàng Lâm Hòa	TV.HĐQT	400	0.004%
4	Ông Ngô Quang Danh	TV.HĐQT	400	0.004%
5	Ông Nguyễn Xuân Hải	TV.HĐQT	67.534	0,64%
6	Ông Nguyễn Kim Hòa	TV.HĐQT	2.330	0.02%

Trong đó, các đại diện do cổ đông lớn là Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn giới thiệu tham gia HĐQT Công ty gồm:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Hoàng Lâm Hòa – TV.HĐQT – Giám đốc Điều hành
3. Ông Ngô Quang Danh – TV.HĐQT – Kế toán trưởng

b) Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2013

Tại cuộc họp 02 tháng 02 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã ra quyết nghị về các vấn đề sau:

- Đánh giá tổng thể về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012
- Thanh lý Nhà máy Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh.
- Nhất trí sản xuất bia lon Vida với hình thức thử nghiệm, trên cơ sở đi gia công sản xuất ở các đơn vị khác.
- Điều chỉnh giá bia hơi, bia chai Vida.

Tại cuộc họp ngày 11 tháng 04 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã ra quyết nghị về các vấn đề sau:

- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 để trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Về vấn đề tổ chức Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- Về việc đầu tư hệ thống CO2.
- Về việc thuê đánh giá tác động môi trường.
- Về hình thức thanh lý Nhà máy Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2013

Tại cuộc họp 05 và 06 ngày 27 tháng 04 năm 2013 đã ra quyết nghị về các vấn đề sau:

- Bổ nhiệm Ông Hoàng Lâm Hòa làm giám đốc Công ty kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.
- Ông Hoàng Lâm Hòa và Ông Đặng Duy Đông có trách nhiệm bàn giao công việc theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Hội đồng quản trị còn ra các nghị quyết về các vấn đề sau thông qua việc xin ý kiến các thành viên:

- Xây 01 bể lắng tại hệ thống xử lý nước thải dung tích 300 m3
- Mua 02 máy rửa keg và 01 máy đo CO2
- Chủ trương đầu tư phòng thí nghiệm theo yêu cầu của Sabeco
- Chủ trương sản xuất các loại bia lager 330 và bia tươi Vida keg.
- Quyết định 338/2013/QĐ-BSGNT về phê duyệt đơn giá tiền lương.
- Về chủ trương cho Công ty CP Thương mại Sabeco Bắc Trung bộ thuê kho tại Hà Tĩnh.

2. Ban Kiểm soát

a) Danh sách Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ trên VDL
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng Ban Kiểm soát	200	0.002%
2	Bà Nguyễn Thanh Thủy	TV. Ban Kiểm soát	25.400	0,24%
3	Bà Nguyễn Thị Huân	TV. Ban Kiểm soát	2.690	0,025%

Trong đó, Cổ đông lớn là TCT Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn giới thiệu làm TV.BKS:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Trưởng Ban Kiểm soát

b) Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2013

Trong năm 2013 Ban Kiểm soát đã thực hiện 02 lần kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua các lần kiểm tra Ban Kiểm soát đều có văn bản kiến nghị cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành các vấn đề cần lưu ý, điều chỉnh.

Thông qua việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát đã đóng góp các ý kiến về hạch toán kế toán, quản lý và điều hành Công ty

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	
2	Ông Đặng Duy Đông	TV.HĐQT (đã nghỉ hưu)	28.000.000	Đến ngày 30/04/2013
3	Ông Hoàng Lâm Hòa	TV.HĐQT	56.000.000	Từ ngày 01/05/2013

4	Ông Ngô Quang Danh	TV.HĐQT	84.000.000	
5	Ông Nguyễn Xuân Hải	TV.HĐQT	84.000.000	
6	Ông Nguyễn Kim Hòa	TV.HĐQT	84.000.000	
7	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng BKS	84.000.000	
8	Bà Nguyễn Thanh Thủy	TV. Ban Kiểm soát	60.000.000	
9	Bà Nguyễn Thị Huân	TV. Ban Kiểm soát	60.000.000	
			660.000.000	

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 2900765728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 3 tháng 5 năm 2013	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Ngô Quang Danh Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Nguyễn Kim Hòa	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Hoàng Lâm Hòa	Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Hoàng Lâm Hòa	Giám đốc
Trụ sở chính	Số 54, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.



Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Nghệ An, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2014



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 9 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi cần lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 và 2.16 của báo cáo tài chính cho thấy trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN ban hành bởi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính vào ngày 3 tháng 12 năm 2013. Cách xử lý này không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được lập khi doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Theo đó, dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã bị ghi nhận thiếu 7.746.825.500 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.275.279.600 đồng Việt Nam).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 22 tháng 2 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Richard Peters
Số Giấy chứng nhận
ĐKHN kiểm toán: 0561-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đào Duy Hoàng
Số Giấy chứng nhận
ĐKHN kiểm toán: 2589-2013-006-1

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam
Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HAN 1055
Ngày 21 tháng 3 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		141.596.979.727	98.914.800.663
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	72.797.137.327	43.254.143.636
111	Tiền		5.531.478.656	499.640.190
112	Các khoản tương đương tiền		67.265.658.671	42.754.503.446
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		31.835.567.513	17.604.902.283
131	Phải thu khách hàng	4	25.785.138.645	14.551.927.074
132	Trả trước cho người bán		2.833.529.971	2.426.355.192
135	Các khoản phải thu khác	5	3.216.898.897	626.620.017
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	Hàng tồn kho		33.025.779.522	24.836.470.905
141	Hàng tồn kho	6	33.025.779.522	24.836.470.905
150	Tài sản ngắn hạn khác		3.938.495.365	13.219.283.839
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.955.520.768	1.260.916.833
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	783.027.848	11.230.783.585
158	Tài sản ngắn hạn khác		1.199.946.749	727.583.421
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		73.958.804.331	88.848.637.009
220	Tài sản cố định		39.069.152.578	56.959.139.598
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	38.646.905.978	56.959.139.598
222	Nguyên giá		317.090.424.984	316.975.076.773
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(278.443.519.006)	(260.015.937.175)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	-	-
228	Nguyên giá		122.900.000	122.900.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(122.900.000)	(122.900.000)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8(c)	422.246.600	-
260	Tài sản dài hạn khác		34.889.651.753	31.889.497.411
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	34.889.651.753	31.889.497.411
268	Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG TÀI SẢN		215.555.784.058	187.763.437.672

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		51.559.692.471	45.183.899.243
310	Nợ ngắn hạn		45.083.190.373	35.045.114.441
311	Vay và nợ ngắn hạn	10	900.000.000	3.657.620.435
312	Phải trả người bán	12	6.730.795.945	8.293.379.096
313	Người mua trả tiền trước		22.439.847	520
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	18.626.115.874	251.975.448
315	Phải trả người lao động		5.290.568.317	4.989.543.030
316	Chi phí phải trả	14	432.679.167	1.928.968.780
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	12.076.780.677	15.075.094.994
323	Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.003.810.546	848.532.138
330	Nợ dài hạn		6.476.502.098	10.138.784.802
334	Vay và nợ dài hạn	11	-	900.000.000
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	6.476.502.098	4.756.222.595
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	4.482.562.207
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		163.996.091.587	142.579.538.429
410	Vốn chủ sở hữu		163.958.691.587	142.542.138.429
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17,18	105.000.000.000	105.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	7.390.909.325	7.390.909.325
417	Quỹ đầu tư phát triển	18	13.190.044.002	13.190.044.002
418	Quỹ dự phòng tài chính	18	6.178.200.607	6.178.200.607
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	10.500.000.000	10.500.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	21.699.537.653	282.984.495
430	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		37.400.000	37.400.000
432	Nguồn kinh phí		37.400.000	37.400.000
440	TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		215.555.784.058	187.763.437.672

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:

	2013	2012
USD	298.02	311.22
EUR	350.69	626.89

Hồ Anh
Người lập

Ngô Quang Danh
Kế toán trưởng

Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 02 – DN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	372.998.040.567	355.090.860.831
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		151.204.818.534	132.951.721.430
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		221.793.222.033	222.139.139.401
11	Giá vốn hàng bán	21	168.677.948.577	175.451.680.402
20	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.115.273.456	46.687.458.999
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.810.549.692	6.834.202.291
22	Chi phí hoạt động tài chính	23	199.095.507	615.069.418
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		152.182.768	421.020.611
24	Chi phí bán hàng	24	15.632.057.937	10.778.060.882
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.568.150.660	17.985.577.713
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.526.519.044	24.142.953.277
31	Thu nhập khác	26	9.584.550.149	13.994.585.754
32	Chi chi khác	26	3.623.133.766	9.640.805.248
40	Thu nhập khác, thuần		5.961.416.383	4.353.780.506
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.487.935.427	28.496.733.783
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(6.705.303.727)	(2.682.015.792)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27	(1.720.279.503)	(4.756.222.595)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.062.352.197	21.058.495.396
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	2.292	2.006

Hồ Anh
Người lập

Ngô Quang Danh
Kế toán trưởng

Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	32.487.935.427	28.496.733.783
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	18.578.068.647	18.421.658.085
03	Các khoản dự phòng	-	4.126.167.133
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(705.766)	20.108.342
06	Chi phí lãi vay	152.182.768	421.020.611
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	51.217.481.076	51.485.687.954
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(4.255.272.821)	5.015.801.917
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(8.189.308.617)	8.079.385.543
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11.010.149.522	(22.682.813.829)
12	Tăng các chi phí trả trước	(3.270.195.126)	(863.401.510)
13	Tiền lãi vay đã trả	(152.182.768)	(421.020.611)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.244.773.959)	(8.967.549.777)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.941.950.000	2.292.330.000
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.560.646.169)	(2.415.368.238)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	44.497.201.138	31.523.051.449
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.112.644.778)	(1.179.208.572)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	116.930.320
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.112.644.778)	(1.062.278.252)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	7.720.383.757
34	Chi trả nợ gốc vay	(3.657.620.435)	(12.497.022.236)
36	Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	15 (10.184.648.000)	(28.201.932.800)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(13.842.268.435)	(32.978.571.279)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	29.542.287.925	(2.517.798.082)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	43.254.143.636	45.771.941.718
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá quy đổi	705.766	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	72.797.137.327	43.254.143.636

Hồ Anh
Người lập

Ngô Quang Danh
Kế toán trưởng

Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết họp Đại hội cổ đông về việc hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ An và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh ngày 09/09/2006. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2006.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu, nước giải khát;
- Gia công và sản xuất các loại phụ tùng, thiết bị phục vụ cho ngành bia, nước giải khát;
- Lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, cho thuê văn phòng;
- Mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính tại Số 54, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 240 nhân viên. (2012: 235 nhân viên)

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Công ty không lập dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN do Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 3 tháng 12 năm 2013.

Ảnh hưởng của việc áp dụng Công văn này trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là Công ty ghi nhận thiếu khoản dự phòng trợ cấp thôi việc số tiền là 7.746.825.500 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.275.279.600 đồng Việt Nam).

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

- (i) Các khoản đầu tư vào trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn khi những khoản đầu tư này được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có bằng chứng về sự giảm giá trị dài hạn của các chứng khoán hoặc Công ty không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (ii) Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20%
Máy móc, thiết bị	15 - 20%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20 - 33%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.11 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.13 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.14 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN ban hành bởi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính vào ngày 3 tháng 12 năm 2013. Cách xử lý này không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được lập khi doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.

Theo Luật Lao động Việt Nam và Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tại Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

2.17 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.18 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tiền mặt	752.327.267	272.902.981
Tiền gửi ngân hàng	4.779.151.389	226.737.209
Các khoản tương đương tiền (*)	67.265.658.671	42.754.503.446
	<u>72.797.137.327</u>	<u>43.254.143.636</u>

(*) Khoản mục này bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tính từ ngày gửi.

4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu từ bên thứ ba	617.100.145	766.336.024
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	25.168.038.500	13.785.591.050
	<u>25.785.138.645</u>	<u>14.551.927.074</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu công ty Cổ Phần Vận Tải và giao nhận bia Sài Gòn (Thuyết minh số 15)	3.025.362.288	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	132.036.104
Phải thu khác	191.536.609	494.583.913
	<u>3.216.898.897</u>	<u>626.620.017</u>

6 HÀNG TỒN KHO

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Nguyên vật liệu tồn kho	17.356.852.889	16.552.097.299
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.545.407.913	776.198.327
Chi phí SXKD dở dang	12.120.742.008	6.917.716.127
Thành phẩm tồn kho	996.334.830	590.459.152
Hàng gửi đi bán	6.441.882	-
	<u>33.025.779.522</u>	<u>24.836.470.905</u>

7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thuế		
Thuế GTGT nộp thừa (*)	-	324.580.839
Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa (*)	-	5.649.917.010
Thuế TNDN nộp thừa (*)	778.848.166	5.239.377.934
Khác	4.179.682	16.907.802
	<u>783.027.848</u>	<u>11.230.783.585</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa phát sinh do chênh lệch giữa số thuế tạm nộp và số thuế thực tế phải nộp sau khi quyết toán năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Khác	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	28.654.719.571	276.253.640.578	8.184.331.062	3.882.385.562		316.975.076.773
Mua trong năm		629.080.000	-	28.636.360	32.681.818	690.398.178
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	(352.851.889)	-	(189.516.260)	(32.681.818)	(575.049.957)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	28.654.719.571	276.529.868.689	8.184.331.062	3.721.505.662	-	317.090.424.992
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	(21.037.921.082)	(230.198.406.875)	(6.152.722.486)	(2.626.886.732)	-	(260.015.937.175)
Khấu hao trong năm	(942.080.603)	(16.845.403.470)	(520.017.024)	(270.567.550)	-	(18.578.068.627)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	78.090.410		72.396.406	-	150.486.826
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	(21.980.001.685)	(246.965.719.935)	(6.672.739.510)	(2.825.057.876)	-	(278.443.519.906)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	7.616.798.489	46.055.233.703	2.031.608.576	1.255.498.830	-	56.959.139.608
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	6.674.717.886	29.564.148.754	1.511.591.552	896.447.786	-	38.646.905.978

(*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ trong năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 157.145.334.426 đồng (2012: 153.350.039.808 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 4.889.714.747 đồng (năm 2012: 9.386.850.407 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 11).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

b) Tài sản cố định vô hình

**Phần mềm máy tính
VNĐ**

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

122.900.000

Mua trong năm

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

122.900.000

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

122.900.000

Khấu hao trong năm

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

122.900.000

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

-

c) Xây dựng cơ bản dở dang

**2013
VNĐ**

**2012
VNĐ**

Số dư đầu năm

-

491.189.497

Tăng

422.246.600

-

Chuyển sang tài sản cố định hữu hình

-

(491.189.497)

Số dư cuối năm

422.246.600

-

Xây dựng cơ bản dở dang tăng trong năm 2013 liên quan đến xây dựng quầy giới thiệu sản phẩm bia.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Vỏ chai, két, bao bì chờ phân bổ	34.221.428.614	30.315.825.417
Chi phí sửa chữa	106.368.785	449.963.291
Chi phí trả trước dài hạn khác	561.854.354	1.123.708.703
	<u>34.889.651.753</u>	<u>31.889.497.411</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	31.889.497.411	27.831.081.723
Mua trong năm	9.054.392.776	9.275.032.718
Nhượng bán (Thuyết minh số 26)	(1.707.116.462)	(1.121.884.426)
Phân bổ trong năm	(4.347.121.972)	(4.094.732.604)
	<u>34.889.651.753</u>	<u>31.889.497.411</u>

10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Vay ngân hàng	-	2.657.620.435
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 11)	900.000.000	1.000.000.000
	<u>900.000.000</u>	<u>3.657.620.435</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

11 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng (*)	900.000.000	1.900.000.000
	<u>900.000.000</u>	<u>1.900.000.000</u>
Trừ: Các khoản vay đáo hạn trong vòng 1 năm	(900.000.000)	(1.000.000.000)
	<u>-</u>	<u>900.000.000</u>

(*) Khoản vay từ "Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam" với số dư 900.000.000 đồng (năm 2012: 1.900.000.000 đồng) theo hợp đồng tín dụng dài hạn ngày 29/4/2009 số 05-09/TD-QMT/BSGNT. Tổng số tiền vay là 4.900.000.000 đồng. Khoản vay nhằm mục đích thực hiện dự án "Khảo sát thiết kế, cung cấp thiết bị và xây lắp hệ thống xử lý nước thải công suất 2200 m³ nước thải/ ngày đêm và hệ thống xử lý khí lò hơi, kết nối với các hệ thống hiện hữu khác". Khoản vay có thời hạn 60 tháng tính từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến thời điểm cam kết trả hết nợ. Khoản vay được hoàn trả thành 20 lần thanh toán theo thời hạn 3 tháng 1 lần (đối với lãi vay) và 6 tháng 1 lần (đối với dư nợ gốc) từ năm 2009 tới 2014. Khoản vay có lãi suất bằng 5.4%/năm, lãi được tính từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay nhận khoản vay đầu tiên của hợp đồng này. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là hệ thống tank lên men 165m³ theo biên bản xác định tài sản thế chấp và định giá tài sản thế chấp ngày 29/4/2009. Giá trị còn lại của hệ thống này tại thời điểm cuối năm là 4.889.714.747 đồng (Thuyết minh số 8)

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả từ bên thứ ba	4.704.388.130	2.615.681.847
Phải trả từ bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	2.026.407.815	5.677.697.249
	<u>6.730.795.945</u>	<u>8.293.379.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thuế		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.470.195.286	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.106.447.306	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	112.453.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	-
Thuế TNCN	49.473.282	139.521.980
	<u>18.626.115.874</u>	<u>251.975.448</u>

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	105.433.866	-
Chi phí thuê	200.351.722	-
Chi phí phải trả Thương Mại 1 Thành Viên	-	1.928.968.780
Khác	126.893.579	-
	<u>432.679.167</u>	<u>1.928.968.780</u>

15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Kinh phí công đoàn	27.948.126	129.043.534
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Cổ tức phải trả	1.265.935.535	11.450.583.535
Tài sản thiếu chờ xử lý	145.928.896	145.928.896
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp	384.985.644	53.558.035
Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Hưng Thịnh (*)	6.748.743.857	-
Đặt cọc bao bì luân chuyển từ khách hàng	2.288.134.276	1.917.905.445
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.195.104.343	1.358.075.549
	<u>12.076.780.677</u>	<u>15.075.094.994</u>

(*) Trong năm Sabeco Nghệ Tĩnh phát sinh nghiệp vụ chi hộ, thu hộ liên quan đến phí vận chuyển. Công ty trả phí vận chuyển cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Hưng Thịnh, sau đó thu lại từ Công ty Cổ Phần Vận Tải và giao nhận bia Sài Gòn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Số liệu bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Phải trả sau 12 tháng	6.476.502.098	4.756.222.595
- Phải trả trong 12 tháng	-	-
	<u>6.476.502.098</u>	<u>4.756.222.595</u>

Biến động gộp của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	4.756.222.595	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.720.279.503	4.756.222.595
Số dư cuối năm	<u>6.476.502.098</u>	<u>4.756.222.595</u>

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2013 <u>Cổ phiếu phổ thông</u>	2012 <u>Cổ phiếu phổ thông</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>10.500.000</u>	<u>10.500.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.500.000	10.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>10.500.000</u>	<u>10.500.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2013		2012	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu NGK Sài Gòn	53.550.000.000	51%	53.550.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	51.450.000.000	49%	51.450.000.000	49%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	105.000.000.000	100%	105.000.000.000	100%

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
	VNĐ		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	105.000.000.000	7.390.909.325	-	13.190.044.002	6.178.200.607	10.500.000.000	142.259.153.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.058.495.396	-	-	-	21.058.495.396
Trích cổ tức	-	-	(18.350.000.000)	-	-	-	(18.350.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(500.000.000)	-	-	-	(500.000.000)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	(1.800.000.000)	-	-	-	(1.800.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	(125.510.901)	-	-	-	(125.510.901)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	105.000.000.000	7.390.909.325	282.984.495	13.190.044.002	6.178.200.607	10.500.000.000	142.542.138.429
Lợi nhuận trong năm	-	-	24.062.352.197	-	-	-	24.062.352.197
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(1.420.000.000)	-	-	-	(1.420.000.000)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	(1.225.799.039)	-	-	-	(1.225.799.039)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	105.000.000.000	7.390.909.325	21.699.537.653	13.190.044.002	6.178.200.607	10.500.000.000	163.958.691.587

(*) Giảm khác trong năm 2012 liên quan đến việc doanh nghiệp sử dụng lợi nhuận trong năm để chia thưởng cho cán bộ công nhân viên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2013	2012
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.062.352.197	21.058.495.396
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	24.062.352.197	21.058.495.396
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	10.500.000	10.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>2.292</u>	<u>2.006</u>

20 DOANH THU

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng doanh thu		
Doanh thu bia	<u>372.998.040.567</u>	<u>355.090.860.831</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	<u>151.204.818.534</u>	<u>132.951.721.430</u>
	151.204.818.534	132.951.721.430
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>221.793.222.033</u>	<u>222.139.139.401</u>

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Sản phẩm Bia	<u>168.677.948.577</u>	<u>175.451.680.402</u>

22 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.809.843.926	6.834.202.291
Lãi thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	705.766	-
	<u>3.810.549.692</u>	<u>6.834.202.291</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	152.182.768	421.020.611
Lỗ thuần chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.912.739	173.940.465
Lỗ thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	20.108.342
	<u>199.095.507</u>	<u>615.069.418</u>

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lương nhân viên bán hàng	4.075.251.810	3.484.985.177
Chi phí vật liệu	1.798.767.665	748.107.743
Chi phí dụng cụ, đồ dùng (bao gồm phân bổ chai kết)	162.590.909	86.412.059
Chi phí khấu hao TSCĐ	351.905.444	96.046.668
Dịch vụ mua ngoài	3.685.296.758	603.079.407
Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới	3.031.630.770	2.352.657.566
Chi phí khác	2.526.614.581	3.406.772.262
	<u>15.632.057.937</u>	<u>10.778.060.882</u>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lương nhân viên quản lý	4.960.137.062	8.946.213.927
Chi phí vật liệu văn phòng	647.163.820	316.355.481
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	128.394.696	230.242.060
Chi phí khấu hao TSCĐ	479.361.739	260.812.427
Thuế và lệ phí	1.464.676.981	1.773.905.709
Dịch vụ mua ngoài	3.492.731.944	1.739.664.370
Chi phí khác	3.395.684.418	4.718.383.739
	<u>14.568.150.660</u>	<u>17.985.577.713</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

26 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán bao bì luân chuyển (Thuyết minh số 9)	1.716.210.873	1.940.824.512
Thu nhập từ nhượng bán vật tư khác	7.551.930.945	6.723.408.724
Thu nhập khác	316.408.331	5.330.352.518
	<u>9.584.550.149</u>	<u>13.994.585.754</u>
Chi phí khác		
Chi phí từ thanh lý, nhượng bán bao bì luân chuyển (Thuyết minh số 9)	1.707.116.462	1.121.884.426
Chi từ thanh lý, nhượng bán vật tư khác	1.649.650.248	2.474.369.081
Chi phí khác	266.367.056	6.044.551.741
	<u>3.623.133.766</u>	<u>9.640.805.248</u>
Thu nhập khác – Số thuần	<u>5.961.416.383</u>	<u>4.353.780.506</u>

27 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% quy định trong Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty và được thể hiện như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32.487.935.427	28.496.733.783
Thuế tính ở thuế suất 25%	8.121.983.856	7.124.183.445
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	303.599.374	314.054.942
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>8.425.583.230</u>	<u>7.438.238.387</u>
Thuế thu nhập – hiện hành	6.705.303.727	2.682.015.792
Thuế thu nhập – hoãn lại	1.720.279.503	4.756.222.595
	<u>8.425.583.230</u>	<u>7.438.238.387</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.577.307.046	144.581.900.293
Chi phí nhân công	29.118.049.465	33.135.499.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.578.068.647	18.421.658.085
Các chi phí khác bằng tiền	24.756.935.675	23.015.310.165
	<u>216.030.360.833</u>	<u>219.154.368.222</u>

29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô La Mỹ ("USD") và Euro ("EUR").

Rủi ro tỷ giá đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VNĐ	
	2013	2012	2013	2012
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	298.02	311.22	6.283.752	6.482.090
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	<u>298.02</u>	<u>311.22</u>	<u>6.283.752</u>	<u>6.482.090</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu Đồng Việt Nam mạnh lên/yếu đi 5% so với USD trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 314.188 VNĐ (năm 2012: 324.105 VNĐ) chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc USD.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ (Tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá Euro của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc EUR		Quy đổi sang VNĐ	
	2013	2012	2013	2012
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	350.69	626.89	10.124.420	17.154.845
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	<u>350.69</u>	<u>626.89</u>	<u>10.124.420</u>	<u>17.154.845</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu Đồng Việt Nam mạnh lên/yếu đi 5% so với EUR trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 506.221 đồng (năm 2012: 857.742 đồng) chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc EUR.

(iii) Rủi ro về giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro về giá của hàng hóa.

(iv) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu lãi suất Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (ước tính % thay đổi lãi suất) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 45.000.000 đồng (2012: 227.881.022 đồng) do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phải- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	900.000.000		
Phải trả khách hàng	6.730.795.945	-	-
Người mua đặt tiền trước	22.439.847	-	-
Chi phí phải trả	432.679.167	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12.076.780.677	-	-
	<u>20.162.695.636</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	3.657.620.435	900.000.000	-
Phải trả khách hàng	8.293.379.096	-	-
Người mua đặt tiền trước	520	-	-
Chi phí phải trả	1.928.968.780	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.075.094.994	-	-
	<u>28.955.063.825</u>	<u>900.000.000</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn do chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	167.601.386	181.676.550
Công ty TNHH một thành viên thương mại bia Sài Gòn	270.892.968.160	292.463.114.151
Công ty cổ phần Bia rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	1.967.091.797	-
Công ty cổ phần Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	22.119.330.374	-
	<u>295.146.991.718</u>	<u>292.644.790.701</u>

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	59.306.704.963	59.402.323.082
Công ty cổ phần Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	3.195.551.399	132.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	213.667.416	1.928.968.780
Chi nhánh CôngTy CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Phú Yên	9.218.177	-
Công ty TNHH 1 Thành viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	48.160.000	289.530.562
Công ty cổ phần bia Sài Gòn - Hà Nội	-	1.052.150.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	609.912.693	-
	<u>63.383.214.648</u>	<u>62.804.972.424</u>

iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>1.602.293.650</u>	<u>1.267.493.400</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)		
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	-	181.676.550
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	25.168.038.500	13.603.914.500
	<u>25.168.038.500</u>	<u>13.785.591.050</u>
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả người bán (Thuyết minh 12)		
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	1.662.977.976	5.497.480.641
Công ty cổ phần Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	127.700	132.000.000
Công ty cổ phần Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	47.291.608	47.291.608
Công ty cổ phần Bia rượu Sài Gòn - Sông Lam	316.010.531	-
Công ty cổ phần vận tải & giao nhận Bia Sài Gòn SABETRAN-Miền Bắc	-	925.000
	<u>2.026.407.815</u>	<u>5.677.697.249</u>
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả khác		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	1.928.968.780
	<u>-</u>	<u>1.928.968.780</u>

31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Dưới 1 năm	1.635.307.960	1.635.307.960
Từ 1 đến 5 năm	6.541.231.840	6.541.231.840
Trên 5 năm	6.582.114.539	8.176.539.800
	<u>14.758.654.339</u>	<u>16.353.079.600</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 21 tháng 3 năm 2014

Hồ Anh
Người lập

Ngô Quang Danh
Kế toán trưởng

Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

